TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 29/9/2021
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Minh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tặng

Bà: Đinh Thị Của

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: ông Tô Hoài – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST - HNGĐ ngày 07/5/2021 về việc "yêu cầu xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đ T N T – sinh năm 1982

Trú tại: t k 5, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

2. Bị đơn: anh N T D – sinh năm 1985

Trú tại: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M H bắc Q B

Địa chỉ: t k 7, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Quảng Bình

Người được ủy quyền: ông T X H – Phó Giám đốc ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M H bắc Q B (văn bản ủy quyền ngày 17/8/2021). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2020 và trong bản tự khai 04/6/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đ T N T trình bày:

- Về hôn nhân: chị kết hôn với anh N T D tại UBND thị trấn Q Đ ngày 17/12/2008 trên cơ sở tự nguyện, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh N T D.

- Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu N T Đ, sinh ngày 24/12/2009 và cháu N T V, sinh ngày 24/8/2013. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu anh D cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: có 01 ngôi nhà cấp ba có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M H bắc Q B 356.500.000 đồng và nợ cá nhân 210.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2021 và tại phiên hòa giải, bị đơn anh N T D trình bày:

- Về hôn nhân: anh kết hôn với chị Đ T N T có đăng ký tại UBND thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Quảng Bình. Nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T làm đơn ly hôn thì anh đồng ý theo nguyện vọng của chị T.

- Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu N T Đ, sinh ngày 24/12/2009 và cháu N T V, sinh ngày 24/8/2013. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con.

- Về tài sản: có 01 ngôi nhà cấp ba có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M H bắc Q B 200.000.000 đồng.

Tòa án đã thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết, triệu tập các bên để hòa giải nhưng không đạt kết quả.

Về tình cảm anh D nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị T; về con chung các bên không thỏa thuận được; về tài sản chung chị T yêu cầu giải quyết nhưng đến ngày 31/8/2021 chị làm đơn không nộp tiền chi phí tố tụng vì lý do vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Anh D không thừa nhận số nợ cá nhân 210.000.000 đồng

Ngày 18/8/2021, tại phiên hòa giải vắng mặt anh D, phía ngân hàng hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M H bắc Q B trình bày chị T và anh D có vay tại ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: LAV 201501480 ngày 01/9/2015 mục đích để làm nhà và có thế chấp

quyền sử dụng đất, đến ngày 18/8/2021 hiện tại còn lại 180.000.000 đồng và hợp đồng tín dụng số: 3806LAV-201902365 ngày 12/12/2019 số tiền 200.000.000 đồng theo hình thức trả qua lương của chị T nay còn lại 142.500.000 đồng. Lãi suất của 02 hợp đồng này là 4.025.000 đồng, yêu cầu chị T và anh D trả nợ cho ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu đối với Thẩm phán và Thư ký quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình: xử chị Đ T N T ly hôn anh N T D. Về con chung: áp dụng các Điều: 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu N T Đ cho anh N T D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu N T V cho chị Đ T N T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Áp dụng điều 37 Luật hôn nhân và gia đình giao anh D trả nợ ngân hàng hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Minh Hóa bắc Quảng Bình số tiền 180.000.000 đồng; giao cho chị T trả nợ số tiền 146.525.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Đ T N T và anh N T D đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q Đ hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không dàn xếp được dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên anh D nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T là có cơ sở nên cần chấp nhận vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị Đ T N T ly hôn anh N T D. Ngày 23/9/2021, Tòa án đã hoãn phiên tòa vì anh D vắng mặt nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

[2] . Về con chung: chị T và anh D có hai con chung là cháu N T Đ và cháu N T V. Nguyện vọng của chị T và anh D đều muốn trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Xét thấy nguyện vọng và điều kiện của hai bên đều chính đáng nhưng nguyện vọng của 02 con nếu bố mẹ ly hôn thì ở với mẹ là chị T, để đảm bảo quyền lợi cho các con và phù hợp nguyện vọng của hai bên cần giao cho mỗi người nuôi một cháu là hợp lý vì vậy căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N T Đ cho anh N T D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu N T V cho chị Đ T N T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành.

[3] . Về tài sản: chị T và anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản vay cá nhân bà T T T ở thị xã Ba Đồn 210.000.000 đồng anh D không thừa nhận, chị T không cung cấp tài liệu gì để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Đối với khoản vay ngân hàng hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M H bắc Q B theo hợp đồng tín dụng vay có thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng mục đích để làm nhà số tiền vay 400.000.000 đồng đến ngày 18/8/2021 còn lại số tiền 180.000.000 đồng xét thấy yêu cầu của ngân hàng có cơ sở cần giao cho anh D có nghĩa vụ trả nợ là hợp lý. Đối với hợp đồng tín dụng vay được thực hiện qua lương của chị T số tiền 200.000.000 đồng còn lại 142.500.000 đồng và lãi suất của hai hợp đồng nói trên đến ngày 18/8/2021 là 4.025.000 đồng, tổng cộng là 146.525.000 đồng cần giao cho chị T trả nợ là phù hợp theo hợp đồng.

Vì vậy cần áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình giao cho anh N T D có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M H bắc Q B số tiền 180.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng vay số: LAV 201501480 ngày 01/9/2015; giao cho chị Đ T N T có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M H bắc Q B số tiền 146.525.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3806LAV201902365 ngày 12/12/2019. Đối với khoản nợ bà T T T ở thị xã Ba Đồn không có cơ sở để xem xét.

[4] . Về án phí: chị Đ T N T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử: chị Đ T N T ly hôn vắng mặt anh N T D.

2. Về con chung: áp dụng khoản 2 Điều 81; các Điều: 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu N T Đ sinh ngày 24/12/2009 cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu N T V sinh ngày 24/8/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành

Không ai được ngăn cản việc đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: vợ chồng tự thỏa thuận phân chia

Khoản nợ chung: áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho anh N T D có nghĩa vụ trả nợ vay ngân hàng hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M H bắc Q B số tiền 180.000.000 đồng và lãi suất

theo hợp đồng tín dụng số LAV201501480 ngày 01/9/2015; giao cho chị Đ T N T có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M H bắc Q B số tiền 146.525.000 đồng theo hợp đồng vay số LAV2019002365 ngày 12/12/2019

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yeu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: chị Đ T N T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số: 0004447 ngày 07/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa nay được khấu trừ.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Các bên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2021). Đối với bị đơn vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày niêm yết bản án nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Đương sự; người có quyền lợi và NVLQ;
- UBND thị trấn Q Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:

Nguyễn Minh Toàn